

3 CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG PHỦ ĐỊNH

- Về câu phủ định trong tiếng Việt
- Câu phủ định trong tiếng Việt xét từ phương diện ngữ pháp
- Câu phủ định và hành động phủ định

3.1 VỀ CÂU PHỦ ĐỊNH TRONG TIẾNG VIỆT

3.1.1 Về việc nghiên cứu câu phủ định

Ngữ pháp học truyền thống phân biệt câu phủ định với câu khẳng định trên cơ sở nghĩa và hình thức diễn đạt. Về phương diện nghĩa, câu phủ định ghi nhận sự vắng mặt (nêu lên tính âm) của vật, việc, hiện tượng, hay sự vắng mặt đặc trưng, quan hệ của vật trong hiện thực hoặc trong tưởng tượng. Về phương diện hình thức, câu phủ định chứa những yếu tố ngôn ngữ đánh dấu sự phủ định. Cần phân biệt câu phủ định hiểu theo quan điểm của ngữ pháp như vừa nói với hành động phủ định là một thứ hành động nói (về hành động phủ định sẽ bàn ở điểm 3.3 *Hành động phủ định*).

Trong ngữ học, câu phủ định được đặt trong mối quan hệ với phán đoán phủ định. Mặt khác, câu phủ định cũng được nêu ra trong quan hệ với câu khẳng định (và câu khẳng định cũng được hiểu trên cái nền của phán đoán khẳng định). Vậy là vấn đề câu khẳng định và câu phủ định chỉ được xem xét trong kiểu câu trình bày (trong cách phân loại câu theo mục đích nói của ngữ pháp truyền thống)¹. Hoạt động của các yếu tố phủ định

trong những kiểu câu không phải câu trình bày có thể suy ra từ kiểu câu trình bày như được xem xét bên dưới.

Về mặt hình thức, câu phủ định trong mỗi ngôn ngữ có thể có cấu tạo khác nhau. Chẳng hạn, nhìn chung thì trong tiếng Việt câu phủ định có chứa từ ngữ mang ý phủ định, và các từ ngữ phủ định trong tiếng Việt khá đa dạng. Do tính đa dạng của phương tiện diễn đạt ý phủ định, có những trường hợp dùng khá phổ biến trong đó việc nhận biết câu phủ định không dễ dàng, nếu chỉ xét mặt hình thức.

Các ví dụ sau đây đều là câu phủ định:

- (A) *Tôi không biết.*
- (B) *Tôi có biết đâu.*
- (C) *Tôi không biết đâu.*
- (D) *Tôi biết đâu.*
- (E) *Tôi biết đâu đấy.*
- (F) *Tôi không biết đâu đấy.*
- (G) *Tôi có biết đâu đấy.*

Trong câu (A) ý phủ định do tiếng *không* diễn đạt. Câu (B) tuy rằng có tiếng *có*, nhưng vẫn là một câu phủ định do có tiếng *đâu* cuối câu, nếu không có tiếng *đâu* thì đó là câu khẳng định; cho nên ý phủ định do sự kết hợp của hai tiếng *có... đâu* thể hiện. Trong câu (C), ý phủ định do hai tiếng *không... đâu* thể hiện. Trong câu (D), ý phủ định do một mình tiếng *đâu* cuối câu diễn đạt. Như vậy tiếng *đâu* cũng có khả năng tạo ra ý phủ định, một mình nó hoặc kết hợp với *có* hay *không*. Tiếng *đâu* đem lại cho ý phủ định sắc thái “dứt khoát”. Các câu (E, F) có thêm tiếng *đấy* cuối câu, và tiếng *đấy* đem lại cho câu sắc thái “vô can” (chủ thể logic trong câu không liên quan đến sự việc được nhắc đến), hoặc tính chất “từ chối quyết liệt” đối với việc

tham gia vào một hành động nào đó (như: *Tôi không đi đâu đấy*). Câu (F) cũng có sắc thái “vô can” như câu (E), nhưng ý phủ định mạnh hơn nhờ sự có mặt của tiếng *không*. Câu (G) ít gặp hơn và cũng mang sắc thái ý nghĩa “vô can” như các câu (E, F).

Đáng chú ý là các câu (E, F, G) nếu được chuyển dùng vào ngôi thứ hai và ngôi thứ ba thì tình hình còn phức tạp hơn. Với ngôi thứ hai và ngôi thứ ba, người nói và chủ ngữ (chủ ngữ đồng thời là chủ thể logic của các câu này) không trùng nhau, và các sắc thái ý kèm theo nêu trên là thuộc cách đánh giá của người nói chứ không phải thuộc chủ ngữ của câu.

Chẳng hạn câu (E, F, G) nếu dùng với chủ ngữ là ngôi thứ hai, thì có thể người nói muốn diễn đạt sắc thái ý là “mày vô can với việc đang nói đó”, cho nên hàm ý của các câu này là “mày không được nói gì hết”, cũng tức là người nói thực hiện hành động nói cấm đoán theo lối gián tiếp.

Ba câu (E, F, G) nếu dùng với chủ ngữ là ngôi thứ ba thì có thể là những nhận định của người nói về tình trạng hiểu biết của người ở ngôi thứ ba (hành động nhận định), mà cũng có thể có hàm ý rằng “nó vô can”, cũng tức là một cách bênh vực người ở ngôi thứ ba theo lối gián tiếp (hành động bộc lộ).

Việc xem xét mọi câu phủ định với độ tinh tế về ý và cách dùng như trên là việc chưa thể làm được trong giai đoạn hiện nay; ấy là chưa nói rằng việc phân tích như trên chắc hẳn vẫn chưa đạt đến sự tận cùng của độ tinh tế, một việc không có thể thực hiện đến nơi đến chốn được, mà chỉ có thể tiếp cận được càng nhiều càng tốt. Trong thực tế đó, phần bàn về câu phủ định sau đây chủ yếu là xem xét các phương tiện tạo câu phủ định của tiếng Việt và dùng lại ở một vài cách dùng câu phủ định phổ biến nhất mà ngôn ngữ học hiện nay đang đặt ra.

3.1.2 Việc phân loại câu phủ định trong tiếng Việt

Cho đến nay, trong tiếng Việt có hai cách phân loại câu phủ định:

- Phân biệt câu phủ định toàn bộ với câu phủ định bộ phận;
- Phân biệt câu phủ định chung với câu phủ định riêng.

Câu phủ định toàn bộ là câu chứa phụ từ chỉ ý phủ định đứng trước vị tố hoặc trước cấu chủ ngữ-vị tố của câu; còn trong câu phủ định bộ phận thì vị tố không bị đánh dấu phủ định, mà một bộ phận nào đó khác trong câu mang phụ từ phủ định. Đây là cách phủ định theo quan điểm ngữ pháp theo cách gọi của chúng tôi, hay phủ định ngôn ngữ, theo cách gọi của Nguyễn Đức Dân².

Câu phủ định chung và câu phủ định riêng được xác định như sau: "Câu phủ định miêu tả sự kiện mọi phần tử của một tập hợp không có một thuộc tính nào đó được gọi là câu phủ định chung", và "Câu phủ định miêu tả một hoặc một số phần tử của một tập hợp không có một thuộc tính nào đó được gọi là câu phủ định riêng"³. Cách phủ định này thuộc về sự phủ định lôgic.

Hai cách phân loại dựa trên hai cơ sở khác nhau, một bên căn cứ vào vị trí của từ phủ định, một bên căn cứ vào số lượng phần tử trong tập hợp tham gia vào phán đoán phủ định, tất yếu không cho ta một sự trùng hợp giản đơn. Bảng đối chiếu sau đây cho thấy rõ điều vừa nói.

BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁCH NHÌN CÂU PHỦ ĐỊNH CỦA NGỮ PHÁP VÀ CỦA LÔGIC

Tầm phủ định	Phủ định chung	Phủ định riêng
Phủ định toàn bộ	<i>Mọi người (/ai cũng) không biết việc đó.</i>	<i>Một số (/có) người không biết việc đó.</i>
Phủ định bộ phận	<i>Mọi người (/ai cũng) nói không rõ⁴.</i>	<i>Một số người nói không rõ⁵.</i>

Mặt khác, cần lưu ý thêm rằng nếu "sự phân biệt câu phủ định chung và câu phủ định riêng này trong logic có quan hệ chặt chẽ với sự phân biệt câu khẳng định chung và câu khẳng định riêng"⁶, thì trong ngữ pháp không nên quan niệm rằng câu phủ định có cơ sở xuất phát từ câu khẳng định. Cách miêu tả câu phủ định căn cứ vào cấu tạo sẵn có của câu khẳng định chỉ là một phương pháp làm việc tiết kiệm và thuận tiện, chứ không phải là tuân theo nguyên tắc cho rằng câu phủ định được tạo ra từ câu khẳng định. Bởi vì không thiếu trường hợp trong ngôn ngữ tồn tại câu phủ định mà không thể có câu khẳng định tương ứng.⁷

Ví dụ:

*Đó là một huyện Yên Phong ngập ngụa trong nước. **Đông không thấy bờ, không thấy lúa, chỉ như một biển nước mênh mông.*** (Đào Vũ)

Sự phân biệt câu phủ định chung với câu phủ định riêng một bên và câu phủ định toàn bộ với câu phủ định bộ phận một bên đều có căn cứ trong ý nghĩa của câu. Để nhận rõ mặt cấu tạo hình thức gắn liền với đặc thù của tiếng Việt (và, do đó, đối chiếu được với các ngôn ngữ khác) thì có thể xem xét hiện tượng phủ định trên cơ sở các **yếu tố phủ định, vị trí** của chúng trong câu và **tầm tác động** của chúng (scope of negation; tức là phạm vi ảnh hưởng của yếu tố phủ định). Có thể thấy là góc nhìn này có quan hệ nhiều hơn với sự phân biệt câu phủ định toàn bộ và câu phủ định bộ phận, nhưng không đồng nhất với sự phân biệt đó. Còn sự phân biệt câu phủ định riêng và câu phủ định chung đòi hỏi đi sâu hơn vào mặt nghĩa logic của câu, như có thể thấy trong bảng đối chiếu trên đây.

3.2 CÂU PHỦ ĐỊNH TIẾNG VIỆT XÉT TỪ PHƯƠNG DIỆN NGỮ PHÁP

Nếu chỉ xét từ phương diện ngữ pháp (chưa đề cập phương diện hành động nói), thì trong tiếng Việt cần chú ý đến: (i) những phương tiện chuyên dụng dành cho việc cấu tạo câu phủ định; (ii) vị trí của yếu tố phủ định trong câu và tầm tác động của chúng.

3.2.1 Các phương tiện phủ định trong câu phủ định tiếng Việt

Trong tiếng Việt, ý nghĩa phủ định được diễn đạt bằng một số phương tiện khác nhau, được gọi là yếu tố phủ định (hay phủ định tố). Chúng mang những sắc thái khá tinh tế và có vị trí khác nhau trong câu (vị trí không gian, chứ không phải là vị trí cú pháp nói chung). Sau đây là các yếu tố phủ định thường gặp nhất.

a. Các yếu tố phủ định như *không*, *chẳng*, *chưa*, *chả* (trong khẩu ngữ cũng gặp một số yếu tố phủ định không được coi là lịch sự như *đếch*, *cóc chẳng hạn*). Trong bốn tiếng trên, tiếng *không* có tính chất trung hoà (không mang sắc thái riêng), tiếng *chẳng* mang sắc thái nhấn mạnh vào tính “hoàn toàn” của sự phủ định, tiếng *chưa* xác nhận sự vắng mặt cái cần phủ định cho đến thời điểm nói đó, không tính đến thời điểm sau khi nói, tiếng *chả* dùng phổ biến hơn trong khẩu ngữ. Muốn đưa vào sự phủ định sắc thái “(không/chưa) một chút nào, một lần nào”, thì có thể thêm tiếng *hề* vào sau để có *không hề*, *chẳng hề*, *chưa hề*, *chả hề*.

b. Các tổ hợp có kèm tiếng **phải** như không phải, chẳng phải, chả phải, chưa phải⁸.

c. Yếu tố phủ định *đâu* đứng cuối câu (và trước yếu tố tình thái dứt câu nếu có, ví dụ *đâu ă*);

d. Các tổ hợp yếu tố làm thành khuôn mang ý nghĩa phủ định như (*không*) *có... đâu, nào có... đâu, làm gì có (...), có phải... đâu, đâu (có) phải... v.v...* Một số khuôn này do hai yếu tố phủ định độc lập tạo thành, nghĩa là từng yếu tố trong đó có thể tự mình tạo ý nghĩa phủ định, chúng không nhất thiết phải cùng đi với nhau. Tuy nhiên, để bớt phức tạp, ở đây chúng được gộp chung vào loại khuôn phủ định. Những tổ hợp từ kiểu này có nhiều khả năng tạo ý phủ định bác bỏ.

Yếu tố phủ định có thể nằm ở bậc câu hoặc nằm trong tổ chức của một bộ phận nào đó bên trong câu, như nằm trong tổ chức của chủ ngữ, hoặc của vị tố, hoặc của bổ ngữ v.v... Khi trong một câu có hơn một yếu tố phủ định, các yếu tố này cũng có thể nằm ở những bậc phân tích khác nhau.

Sự phủ định logic một cách chặt chẽ vừa có tính chất chuyên môn sâu vừa khá phức tạp vì vậy tạm không bàn ở đây; sơ lược về sự phủ định trong dụng học, x. *Điều: 3.4* bên dưới⁹.

3.2.2 Vị trí và tầm tác động của yếu tố phủ định

Tầm tác động của yếu tố phủ định lệ thuộc nhiều vào vị trí của yếu tố phủ định trong câu, và nhất là lệ thuộc vào tình huống sử dụng ngôn ngữ. Để tạo tình huống ngăn gọn khi cần thiết, chúng tôi sử dụng một câu tương phản đi kèm đặt trong ngoặc đơn nhằm giúp nhận diện điểm phủ định nói trong câu đang được xét. Vị trí và tầm tác động của yếu tố phủ định được xem xét trong các mục sau đây.

3.2.2.1 Yếu tố phủ định làm thành câu không có chủ ngữ

Yếu tố phủ định có thể đứng một mình trong tình huống dùng cụ thể tạo thành câu không có chủ ngữ. Cách dùng này

thường gặp ở câu phủ định nhằm bác bỏ một ý kiến (phủ định bác bỏ).

Ví dụ:

Nó lác đầu:

– *Em không sợ. Em làm ra tiền mà ăn. Không đi ăn mày.*

Đức bảo nó:

– *Thì tội gì mà khổ thân. Cứ ở nhà này.*

– **Không.**

– *Thế thì tôi đi với mẹ.*

Nó sợ hãi:

– **Không.**

(Nam Cao)

3.2.2.2 Yếu tố phủ định tác động lên toàn phần còn lại của câu

Yếu tố phủ định tác động lên toàn bộ phần còn lại của câu hoạt động với tư cách biệt tố tình thái về cú pháp, và với tính phủ định xét theo nội dung. Yếu tố phủ định có hai vị trí trong câu: hoặc đứng trước, hoặc đứng sau phần còn lại của câu. Yếu tố phủ định thường gặp ở kiểu này là các tiếng mang ý phủ định, hoặc những khuôn gián đoạn chứa chúng. Với khuôn gián đoạn thì có thể có một yếu tố đứng trước và một yếu tố đứng sau phần còn lại của câu.

Sau đây là các vị trí thường gặp của yếu tố phủ định trong câu.

a. Yếu tố phủ định đứng trước phần còn lại của câu

Với câu có yếu tố phủ định đứng trước phần còn lại của câu, việc xác định tầm phủ định lên toàn bộ phần còn lại đó phải căn cứ vào tình huống sử dụng cụ thể, nếu không thì rất dễ nhầm

CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG PHỦ ĐỊNH

với yếu tố phủ định chủ ngữ. Tình huống trong các ví dụ sau đây được xác định qua phần câu tiếp theo đặt trong ngoặc đơn. Tổ hợp yếu tố phủ định thường chứa từ *phải*, và với từ *phải*, tổ hợp từ này có nhiều khả năng mang ý phủ định bác bỏ.

Ví dụ:

(A) *Không phải mẹ bảo con đến đây, (mà là con đi học về ghé qua thôi).*

(B) *Chẳng phải họ đến muộn (mà ta bắt đầu hơi sớm).*

Cấu trúc cú pháp (CT CP) và cấu trúc nghĩa biểu hiện (NBH) của câu (B) được phân tích như trong Hình 3.1.

(B)	<i>Chẳng phải</i>	<i>họ</i>	<i>đến</i>	<i>muộn.</i>
CT CP	Phủ định tố	Chủ ngữ	Vị tố	Gia ngữ
CT NBH	Tính phủ định	Động thể	Động	Cách thức

Hình 3.1 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (B)

b. Yếu tố phủ định đứng sau phần còn lại của câu

Yếu tố phủ định cũng có thể đứng ở sau phần còn lại và được tách ra thành một bộ phận riêng với tư cách biệt tố phủ định; trong trường hợp này phần câu đứng trước yếu tố phủ định tố được nêu lên như một điều nghi vấn (như là xác nhận lại điều ai đó đã khẳng định), do đó câu có tính chất bác bỏ rõ rệt.

Ví dụ:

(C) *Họ đến muộn (à), đâu phải. (Chẳng qua là vì chúng ta bắt đầu hơi sớm đó thôi.)*

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (C) được phân tích như trong Hình 3.2.

(C)	<i>Họ</i>	<i>đến</i>	<i>muộn,</i>	<i>đâu phải.</i>
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Gia ngữ	Phủ định tố
CT NBH	Động thể	Động	Cách thức	Tính phủ định

Hình 3.2 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (C)

c. Yếu tố phủ định làm thành khuôn

Yếu tố phủ định cũng có thể là một khuôn gián đoạn, có một yếu tố đứng trước và một yếu tố đứng sau phần còn lại của câu. Chẳng hạn để trả lời câu hỏi *Có ai việc gì không?* có thể dùng những câu sau đây (không kể những câu khác nữa).

Ví dụ:

(D) Chẳng có ai việc gì đâu.

(E) Chẳng có ai làm sao đâu.

(F) Chẳng ai làm sao đâu.

Câu (E) cho thấy trong câu hỏi gồm 2 nội dung: “ai và việc gì xảy ra với người đó”. Trong cả ba ví dụ trên, yếu tố phủ định đều tác động lên toàn phần còn lại của câu.

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (D) được phân tích như trong Hình 3.3.

(E)	<i>Chẳng</i>	<i>có</i>	<i>ai / việc gì</i>	<i>đâu.</i>
CT CP	Phủ định tố	Vị tố	Bổ ngữ	Phủ định tố
CT NBH		Tồn tại	Chủ thể tồn tại	
		Tính phủ định		

Hình 3.3 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (E)

(a) Các yếu tố *chẳng*, *đâu* có thể dùng riêng để tạo tính phủ định.

(b) Câu (E) là câu tồn tại vì nó là câu trả lời cho câu hỏi về sự tồn tại.

3.2.2.3 Yếu tố phủ định tác động lên chủ ngữ của câu

Trong câu có yếu tố phủ định tác động lên chủ ngữ, yếu tố phủ định có chứa tiếng *phải* sau tiếng *không* hoặc *chẳng*, và có thể có thêm tiếng *đâu* ở cuối câu phủ định đó.

a. "*Không phải* + danh từ (cụm danh từ) không phiếm định"

Ví dụ:

(A) *Không phải ông giám đốc mời anh (mà tôi mời anh có chút việc).*

(B) *Chẳng phải người đứng đằng kia tìm bác (mà người lúc nãy kia).*

(C) *Không phải ông giám đốc mời anh đâu.*

Sự xuất hiện của từ *phải*, hoặc *có phải... đâu, đâu (có phải... ở trước danh từ là bắt buộc khi danh từ không phiếm định như ở các ví dụ vừa nêu. Với tiếng phải câu rất dễ mang tính phủ định bác bỏ.*

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (A, C) được trình bày trong Hình 3.4, 3.5.

(A)	<i>Không phải</i>	<i>ông giám đốc</i>	<i>mời</i>	<i>anh.</i>
CT CP	Phủ định tố	Chủ ngữ	Vị tố	Tân ngữ
CT NBH	Tính phủ định	Động thể	Động	Đích thể

Hình 3.4 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (A)

(C)	<i>Không phải</i>	<i>ông g. đốc</i>	<i>mời</i>	<i>anh</i>	<i>đâu.</i>
CT CP	Phủ định tố	Chủ ngữ	Vị tố	Tân ngữ	Phủ đh tố
CT NBH		Động thể	Động	Đích thể	
Tính phủ định					

Hình 3.5 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (C)

b. "Không + danh từ (cụm danh từ) chứa yếu tố phiếm định"

Ví dụ:

(D) (*Hắn không biết,*) cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.

(Nam Cao)

Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu (D) được trình bày trong *Hình 3.6*.

(D)	<i>Cả làng...</i>	<i>cũng</i>	<i>không</i>	<i>ai</i>	<i>biết.</i>
CT CP	Đề ngữ	Tình thái tố	Phủ định tố	Chủ ngữ	Vị tố
CT NBH	Đề tài	Tính tình thái	Tính phủ định	Động thể	Tính thần

Hình 3.6 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (D)

3.2.2.4 Yếu tố phủ định tác động lên vị tố của câu

Yếu tố phủ định tác động lên vị tố của câu thường đứng trước vị tố của câu, ít khi đứng sau. Vị tố có thể là động từ, tính từ.

Ví dụ:

(A) Anh không tin? (Nam Cao) (Vị tố: Động từ)

(B) Em chả dám. (Nam Cao) (Vị tố: Động từ)

(C) Anh ấy làm gì có ở nhà giờ này. (Vị tố: Động từ tồn tại)

(D) Không phải nó lấy sách của anh (mà là mượn vài hôm).

(Vị tố: Động từ)

(E) Tôi có biết chuyện đó đâu. (Vị tố: Động từ)

(F) Tôi mượn sách này của nó (à), đâu phải. (Tôi mua đấy chứ) (Vị tố: Động từ)

(G) Nhà tôi không xa trường học. (Vị tố: Tính từ)

Đáng chú ý là các vị tố do từ chỉ quan hệ không dùng độc lập đảm nhiệm (x. *Điều: 2.2.2*) không tách rời về nghĩa với bổ

CÂU CHỦ ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG CHỦ ĐỊNH

ngữ đứng sau, vì vậy khó thực hiện sự phủ định vị tố mà không đồng thời phủ định bổ ngữ kèm theo sau nó (ví dụ: *Quyển sách này không phải của tôi, mà là tôi mượn của bạn Ti*, hoặc: *Quyển sách này không phải của tôi, mà là của bạn Ti*).

Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (C, E, F, G) được phân tích như trong Hình 3.7 – 3.10

(C)	<i>Anh ấy</i>	<i>làm gì</i>	<i>có</i>	<i>ở nhà</i>	<i>giờ này.</i>
CT CP	Chủ ngữ	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ	Gia ngữ
CT NBH	Đương thể	Tính phủ định	Tồn tại	Vị trí	Thời gian

Hình 3.7 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (C)

(E)	<i>Tôi</i>	<i>có</i>	<i>biết</i>	<i>chuyện đó</i>	<i>đâu.</i>
CT CP	Chủ ngữ		Vị tố	Tân ngữ	
			Phủ định tố		
CT NBH	Đương thể		Tình thần	Đích thể	
			Tính phủ định		

Hình 3.8 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (E)

(F)	<i>Tôi</i>	<i>mượn</i>	<i>sách nó</i>	<i>(à),</i>	<i>đâu phải.</i>
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Tân ngữ	(Biệt tố)	Ph. định tố
CT NBH	Động thể	Động	Đích	Tính tình thái	Tính phủ định

Hình 3.9 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (F)

(G)	<i>Nhà tôi</i>	<i>không</i>	<i>xa</i>	<i>trường học.</i>
CT CP	Chủ ngữ	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Đương thể	Tính phủ định	Khoảng cách không gian	Vị trí (mốc định vị)

Hình 3.10 Cấu trúc cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu (G)

3.2.2.5 Yếu tố phủ định tác động lên bổ ngữ của câu

Nhìn chung, tiếng Việt không ưa dùng cách phủ định bổ ngữ (gồm tân ngữ, tân ngữ gián tiếp và các thứ bổ ngữ khác) bằng cách đặt yếu tố phủ định trước tiếng làm bổ ngữ. Người Việt thường dùng một cách rộng rãi cách phủ định bổ ngữ bằng cách đặt yếu tố phủ định trước từ làm vị tố.

Chẳng hạn không nói:

* Tôi đọc không quyển sách này.

* Tôi đưa không quyển sách cho nó.

* Tôi đưa không cho nó quyển sách.

mà thường nói:

(A) Tôi không đọc quyển sách này.

(B) Tôi không đưa quyển sách cho nó.

(C) Tôi không đưa cho nó quyển sách.

Một cách dùng khác cũng thường gặp là đặt yếu tố phủ định (có kèm *phải*) trước cả chủ ngữ, hoặc dùng khuôn gián đoạn.

Ví dụ:

(D) Không phải tôi đọc quyển sách này.

(E) Nào đâu phải tôi đưa quyển sách cho nó.

(F) Đâu có phải tôi đưa cho nó quyển sách.

(G) Không phải tôi đọc quyển sách này đâu.

(H) Tôi không đọc quyển sách này đâu.

Trong các cách dùng trên, yếu tố phủ định đều tác động vào bổ ngữ, do đó việc xác định tầm tác động của yếu tố phủ định trong những trường hợp như thế này phải gắn với tình huống cụ thể. Đôi khi cũng có thể gặp cách đặt yếu tố phủ định liền ngay trước danh từ làm bổ ngữ (sau vị tố), trong trường hợp này

thường có kèm tiếng **phải** trong yếu tố phủ định và thường có bộ phận tương phản về nghĩa tiếp theo.

Ví dụ:

(I) Tôi đọc không phải quyển sách này (, mà là quyển khác kia).

(K) Tôi đưa không phải quyển sách cho nó (, mà là hai quyển vở ghi chép).

(L) Tôi đưa quyển sách không phải cho nó (, mà cho em nó kia).

Cách dùng yếu tố phủ định có chứa tiếng **phải** trong các ví dụ (D – L) thường được dùng trong sự phủ định bác bỏ; phần tương phản tiếp theo được dùng để xác nhận sự việc.

3.2.2.6 Yếu tố phủ định tác động lên gia ngữ của câu

Trong tiếng Việt không thể không phân biệt gia ngữ câu là phần giữ chức năng gia ngữ đứng trước cả chủ ngữ (“trạng ngữ của câu” trong cách gọi cũ), và gia ngữ của từ là phần giữ chức năng gia ngữ đi kèm với từ làm vị tố. Yếu tố phủ định thường được đặt trước gia ngữ câu.

Ví dụ:

(A) Sẽ không bao giờ chị được trở về miền Bắc, trở lại quê hương. (Hữu Mai)

(B) Chẳng ở đâu người ta làm như thế cả.

3.2.2.7 Yếu tố phủ định tác động lên gia ngữ của từ trong câu

Vị trí của yếu tố phủ định tác động lên một gia ngữ của từ trong câu tiếng Việt là ở liền ngay trước gia ngữ đó, hoặc cũng có thể là một khuôn phủ định bao lấy gia ngữ.

Ví dụ:

- (A) Anh ta nói không rõ.
- (B) Con ngựa này chạy không nhanh.
- (C) Tàu dừng lại không đến 10 phút.
- (D) Họ gặp nhau chẳng vui vẻ gì.
- (E) Anh ấy làm việc không hào hứng.

3.2.2.8 Hiện tượng phủ định ở câu không có chủ ngữ

Câu không có chủ ngữ được chia ra thành hai loại lớn là câu danh từ và câu động từ hay tính từ, không kể những kiểu ít ỏi về số lượng như câu không chủ ngữ dùng yếu tố khẳng định (như *phải, đúng...*), dùng yếu tố phủ định (như *không, đâu có...*), câu không chủ ngữ dùng từ ngữ cảm thán, dùng từ gọi-đáp.

Với câu danh từ, sự phủ định danh từ giống như cách phủ định danh từ làm chủ ngữ nói ở *Điều 3.3.2.3* trên đây.

Ví dụ:

- (A) Trên trời không một vì sao.
- (B) Không phải rắn.
- (C) Không ai cả.
- (D) Không một tiếng động.

Với câu động từ hay tính từ, sự phủ định các từ này giống như sự phủ định vị tố động từ, tính từ nói ở *Điều 3.3.2.4* trên đây.

Ví dụ:

- (E) Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. (Nam Cao)
- (F) Làm gì có mật mà ngọt. (Nam Cao)
- (G) Trong nhà chẳng có người nào đâu.

3.3 CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG PHỦ ĐỊNH

Câu phủ định là phương tiện để thực hiện hành động phủ định¹⁰. Ngày nay, căn cứ vào lí thuyết hành động nói, sự phủ định được phân biệt thành hai trường hợp:

- Phủ định miêu tả;
- Phủ định bác bỏ, hay gọi gọn là bác bỏ.

Trước đây, khi xem xét câu phủ định, người ta đã cảm nhận được ít nhiều sự khác nhau trong giá trị sử dụng của hai kiểu phủ định vừa nêu. Tuy nhiên cảm thức ấy chỉ được quy về độ mạnh của tính chất phủ định, như “phủ định mạnh hơn”, “phủ định rất mạnh”, “phủ định mạnh hơn nữa”¹¹.

Sự phủ định miêu tả được thực hiện trong quá trình miêu tả, nhìn nhận sự vắng mặt (tính âm) của vật, việc, hiện tượng, hoặc đặc trưng, quan hệ của vật, việc, hiện tượng. Chẳng hạn khi thấy con mèo không có đuôi ta nói: *Con mèo này không có đuôi*, khi có vụ va chạm xe và không có ai bị hại ta nói: *Không (có) ai việc gì*. Khi ai đưa ra câu hỏi *có/không* (tức câu hỏi mà khi trả lời thì có thể chỉ trả lời bằng từ *có* hoặc từ *không* cũng đủ) và ta trả lời phủ định thì câu trả lời đó cũng là câu phủ định miêu tả.

Ví dụ thêm về phủ định miêu tả:

(A) *Mấy hôm nay trời không mưa mà cũng không gió. (Oi bức quá!)*

(B) *Mình không có quyển sách này. (Cho mình mượn đọc vài hôm nhé.)*

(C) - *Mai bạn có về quê chơi không?*

- *(Không). Mai mình không về. Mình còn phải đi sửa xe.*

Sự bác bỏ diễn ra sau một điều khẳng định nào đó bằng lời hoặc bằng cử chỉ hoặc trong ý nghĩ của chính ta, nhằm không

thừa nhận, hoặc cải chính điều khẳng định đó. Hành động được thực hiện trong khi nói như vậy là hành động bác bỏ.

Các kiểu cấu tạo câu phủ định trình bày trên đây tùy trường hợp mà có thể sử dụng vào phủ định miêu tả hay bác bỏ, tuy nhiên có một số kiểu câu phủ định thường được dùng hơn trong hành động bác bỏ. Đó là những trường hợp dùng các yếu tố phủ định sau đây:

– Các kiểu phủ định có kèm tiếng **phải** như: *không phải, chẳng phải, chẳng phải, có phải đâu, có phải... đâu, đâu phải, nào đâu phải, v.v...*

– Các kiểu phủ định dùng một số tổ hợp từ khác như: *(không) có đâu, (không) có... đâu, đâu có, thế nào được, và một số cách khác không dùng yếu tố phủ định, như mà, có mà chẳng hạn.*

Ví dụ về hành động bác bỏ:

A: – *Anh biết việc này chứ (, sao không nói cho tôi biết?)* (Lời hỏi hàm ý khẳng định)

B: – *Nào tôi có biết đâu (mà nói).*

– *Tôi (có) biết đâu (mà nói).*

– *Ai biết đâu (mà nói).*

– *Tôi đâu có biết (mà nói).*

– *Tôi làm sao (mà) biết được (mà nói với anh).*

– *Tôi biết làm sao được (mà nói với anh).*

– *Thưa anh, em không biết ạ.* (Người hàng dưới bác bỏ người hàng trên)

A: – *Giáp sắp thi đại học đấy à?* (Lời hỏi hàm ý khẳng định)

B: – *Đâu có! Cậu ấy có học hành gì đâu mà thi với cử.*

– *Có mà thi. Cậu ấy có học hành gì đâu.*

Để bác bỏ ý kiến cho rằng "Anh Ba cao"⁽¹⁾ có thể dùng một số cách sau đây:

- *Anh Ba không cao.*
- *Anh ba đâu có cao.*
- *Anh Ba mà cao.*
- *Bảo anh Ba cao sao được.*

Tóm lại, câu phủ định với tư cách một hiện tượng ngữ pháp và hành động phủ định với tư cách một chức năng của ngôn ngữ là hai hiện tượng có liên quan nhưng thuộc hai phương diện khác nhau.

Góc nhìn ngữ pháp đòi hỏi việc xem xét phương diện cấu tạo hình thức (các yếu tố ngôn ngữ làm phương tiện cấu tạo và phương thức cấu tạo) trong mối liên hệ với ý nghĩa ngữ pháp khái quát. Từ giác độ ngữ pháp, có thể tìm ra những kiểu câu phủ định cụ thể với các từ ngữ cụ thể dùng vào câu phủ định, vị trí và tầm tác động của các yếu tố đó trong câu. Chính vì vậy ở đây có thể tìm thấy những nét dị đồng giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ khác. Góc nhìn chức năng chỉ ra cách thức sử dụng câu phủ định ngữ pháp (và những hình thức khác nữa) vào những mục đích cụ thể trong những tình huống cụ thể, và ở đây cần có sự phân biệt phủ định miêu tả và bác bỏ. Sự phân biệt phủ định miêu tả và bác bỏ là hiện tượng chung cho mọi ngôn ngữ. Chỗ quan trọng ở đây là những phương tiện nào được dùng và được dùng như thế nào, điều này không chỉ do ngôn ngữ cụ thể quy định mà còn có sự can thiệp của nếp tư duy và văn hóa dân tộc nữa.

Cuối cùng để hình dung mối quan hệ giữa mặt ngữ pháp và mặt chức năng cũng như tính chất phức tạp của mặt chức năng trong quan hệ với tình huống sử dụng, có thể lấy câu sau đây làm ví dụ để xem xét:

Không có gì quý hơn độc lập tự do. (Hồ Chí Minh)

Xét mặt hình thức cấu tạo ngữ pháp thì đây là một câu phủ định, và yếu tố phủ định tác động lên đại từ phiếm định ở chủ ngữ (tiếng *gì*). Xét ở phương diện chức năng trong sử dụng thì tình huống sẽ quy định chức năng nào được chọn. Nếu xét câu này ở tầng nghĩa bề mặt với tư cách một khẩu hiệu chính trị thì đây là một sự phủ định miêu tả. Còn nếu đặt trong tình huống một cuộc tranh luận thì nó có thể dễ dàng là sự bác bỏ (một ý kiến nào đó trái với nội dung này). Nhưng nếu xét ở tầng nghĩa sâu xa hơn, thì đó lại là một điều xác nhận khẳng định làm cơ sở cho niềm tin (Cái quý hơn tất cả là độc lập tự do).

CÂU HỎI DÙNG CHO “3 CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG PHỦ ĐỊNH”

1. Hiện tượng phủ định trong cách nhìn ngôn ngữ học khác hiện tượng phủ định trong cách nhìn logic học như thế nào?
2. Trong tiếng Việt, những phương tiện nào thường được sử dụng để tạo câu phủ định?
3. Tầm tác động của yếu tố phủ định trong câu phủ định được hiểu như thế nào? Hãy nêu ví dụ về một số tầm tác động của yếu tố phủ định trong câu phủ định.
4. Sự phủ định miêu tả và sự (phủ định) bác bỏ khác nhau như thế nào trong việc sử dụng?
5. Với một câu phủ định tách riêng ra khỏi ngữ cảnh có thể dễ dàng kết luận được là nó dùng với chức năng miêu tả hay với chức năng bác bỏ hay không? Trong tiếng Việt, câu phủ định bác bỏ thường chứa yếu tố phủ định gì?